



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

6. 9.

1102. Alaṅkato mālyadharo¹ suvattho
sukuṇḍalī kappitakesamassu,
āmuttahaṭṭhābharaṇo yasassī
dibbe vimānamhi yathāsi² candimā.
1103. Dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ³
aṭṭhaṭṭhakā sikkhitā sādhurūpā,
dibbā ca kaññā tidasacarā uḷārā
naccanti gāyanti pamodayanti.
1104. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
1105. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1106. Ahaṃ manussesu manussabhūto
disvāna samaṇe sādhurūpe,
sampannavijjācaraṇe yasassī
bahussute sīlavatūpapanne,⁴
annañca pānañca pasannacitto
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adāsiṃ.
1170. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
1108. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati "ti.

Dutiyakuṇḍalivimānaṃ.

¹ malyadharo - Ma, PTS.

² yathāpi - Ma, Syā.

³ vaggū - Syā, PTS.

⁴ sīlavante pasanne - Ma, Syā, PTS, Sīmu; taṇhakkhayūpapanne - katthaci.

6. 9.

1102. “Người đã được trang điểm, có mang vòng hoa, có y phục xinh đẹp, có bông tai khéo, có tóc râu đã được sửa soạn, có đồ trang sức ở bàn tay đã được trau chuốt, có danh vọng, giống như mặt trăng ở Thiên cung thuộc cõi Trời.

1103. Các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, và tám lần tám các cô thiếu nữ thuộc cõi Trời, sống ở cõi Ba Mươi, cao sang, đã được học tập, có dáng vóc nghiêm trang, nhảy múa, ca hát, làm trò tiêu khiển.

1104. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1105. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1106. “Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, sau khi nhìn thấy các vị Sa-môn có dáng vóc nghiêm trang, có kiến thức và hạnh kiểm đã được thành tựu, có danh vọng, nghe nhiều, đã đạt đến việc có giới hạnh, có tâm tịnh tín, tôi đã trân trọng dâng cúng vật thí dồi dào về cơm ăn và nước uống.

1107. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1108. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

Thiên Cung của Người Có Bông Tai thứ nhì.

6. 10.

1109. Yā devarājassa sabhā sudhammā
yatthacchati¹ devasaṅgho samaggo,
tathūpamaṃ tuyhamidaṃ vimānaṃ
obhāsayaṃ tiṭṭhati antaḷikkhe.
1110. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
1111. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1112. Ahaṃ manussesu manussabhūto
rañño pāyāsissa ahoṣiṃ māṇavo,
laddhā dhaṇaṃ saṃvibhāgaṃ akāsiṃ
piyā ca me sīlavanto ahesuṃ,
annañca pānañca pasannacitto
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adāsiṃ.
1113. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
1114. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti.

Uttaravimānaṃ.²

Pāyāsivaggo chaṭṭho.

TASSUDDĀNAṃ

Dve agārino phaladāyī dve upassayadāyī bhikkhādāyī,³
yavapālako ceva dve kuṇḍalino pāyāsī 'ti,
purisānaṃ dutiyo vaggo pavuccatī 'ti.

--ooOoo--

¹ yatthacchasi - Syā.

² pāyāsivimānaṃ dasamaṃ - Ma.

³ bhikkhāya dāyī - Ma, Syā; bhikkhāya - PTS.

6. 10.

1109. Hội trường Sudhammā nào của đức Thiên Vương là nơi hội chúng chư Thiên có sự hợp nhất, tương tự như thế ấy Thiên cung này của người ngự ở không trung, đang chói sáng.

1110. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1111. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1112. “Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, đã là người thanh niên Bà-la-môn của đức vua Pāyāsi, sau khi tiếp nhận phần của cải tôi đã thực hiện việc phân phối, và đáng quý mến đối với tôi đã là các bậc có giới hạnh. Có tâm tịnh tín, tôi đã trân trọng dâng cúng vật thí dồi dào về cơm ăn và nước uống.

1113. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1114. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

Thiên Cung của Uttara.

Phẩm Pāyāsi là thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Hai (chuyện) người tại gia, người bố thí trái cây, hai (chuyện) người bố thí chỗ ngụ, người bố thí vật thực, và luôn cả (chuyện) người canh giữ lúa mạch, hai (chuyện) người có bông tai, (đức vua) Pāyāsi; được gọi là phẩm thứ nhì của những người nam.”

--ooOoo--